

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2019.

V/v: *Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cao Sơn.

2. Bà Đặng Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Bích N, sinh ngày 16/02/1991. trú tại: Số 8, khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê H, sinh ngày 15/11/1983. Trú tại: Tổ 31, khu 15, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, nguyên đơn chị Lê Bích N trình bày: Chị kết hôn với anh Lê H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 20/8/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến năm 2014 anh Lê H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh

nhật, xa cách. Sau khi hết thời hạn xuất khẩu lao động trở về địa phương, anh Lê H và chị Lê Bích N cũng không về chung sống cùng nhau và từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy chị Lê Bích N xin được ly hôn với anh Lê H.

Về con chung: Chị Lê Bích N và anh Lê H có một con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 01/10/2012 hiện nay đang ở cùng chị Lê Bích N tại khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Lê Bích N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Gia H và không yêu cầu anh Lê H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê H đều vắng mặt. Trong đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 17/9/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ anh Lê H nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Bích N vì tình cảm của vợ chồng nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung anh Lê H nhất trí khi ly hôn chị Lê Bích N sẽ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Gia H và anh Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Lê Bích N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh Lê H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lê Bích N giữ nguyên yêu cầu và các ý kiến đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Anh Lê H tuy vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, có xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư trú là hợp lệ.

- Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Lê Bích N và anh Lê H được ly hôn vì giữa chị Lê Bích N và anh Lê H quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn yêu thương, quan tâm đến nhau từ lâu. Mâu thuẫn giữa chị Lê Bích N và anh Lê H được chị Lê Bích N xác nhận trong đơn khởi kiện, bản khai cũng như tại phiên tòa và được bị đơn là anh Lê H xác nhận trong đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/9/2019. Về con chung xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bích N, giao cháu Lê Gia H sinh ngày 01/10/2012 cho chị Lê Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi vì chị Lê Bích N đủ điều kiện để nuôi con và anh Lê H cũng nhất trí giao con cho chị Lê Bích N. Anh Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Lê Bích N không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Lê Bích N và anh Lê H là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2012, quyền số 01/2012 ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa chị Lê Bích N và anh Lê H nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2014 khi anh Lê H đi xuất khẩu lao động tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách hơn, khi trở về địa phương anh Lê H và chị Lê Bích N cũng không cùng chung sống mà chị Lê Bích N về sinh sống tại gia đình bên ngoại ở khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 2014 đến nay giữa chị Lê Bích N và anh Lê H đã không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa anh Lê H cũng không có mặt, qua đó thấy rằng anh Lê H không còn tha thiết muốn đoàn tụ về chung sống cùng chị Lê Bích N và trong đơn xin giải quyết vắng mặt anh Lê H cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Bích N. Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Bích N và anh Lê H không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Lê Bích N đối với anh Lê H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Lê Bích N và anh Lê H có một con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 01/10/2012 hiện nay đang ở cùng chị Lê Bích N. Khi ly hôn chị Lê Bích N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và theo đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Lê H cũng nhất trí để chị Lê Bích N sẽ được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy chị Lê Bích N đủ điều kiện để nuôi con, việc giao con cho chị Lê Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với yêu cầu của hai bên đương sự, phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu Lê Gia H nên cần chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung theo quy định của pháp luật không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Chị Lê Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Bích N được ly hôn anh Lê H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 20/8/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bích N, giao cháu Lê Gia H sinh ngày 01/10/2012 cho chị Lê Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Gia H đủ 18 tuổi. Anh Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Lê Bích N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Bích N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Lê Bích N đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/05643 ngày 09/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn chị Lê Bích N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Lê H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp